

17 cấu trúc ngữ pháp **Movers Cambridge**

1

Tân ngữ gián tiếp

Give it to **the teacher**!

2

So sánh hơn và nhất với tính từ

- Your house is **bigger than** mine.
- Anna is my **best** friend.

3

Động từ và các kiến thức liên quan

We **went** to the park yesterday.

4

Trạng từ

She **never** eats meat.



17 cấu trúc ngữ pháp **Movers Cambridge**

5

So sánh hơn và nhất với trạng từ

- My brother reads **more quickly than** her.
- I like ice cream **best**.

6

Liên từ

I went home **because** I was tired.

7

Giới từ chỉ thời gian

He plays badminton **on** Saturdays.

8

Từ để hỏi

Why is he talking to her?

9

Mệnh đề quan hệ

Vicky is the girl **who is riding a bike**.



17 cấu trúc ngữ pháp **Movers Cambridge**

9

Mệnh đề quan hệ

Vicky is the girl **who is riding a bike**.

10

What is/ was the weather like?

What was the weather like last weekend?

11

What's the matter?

What's the matter, Daisy? Have you got a stomach-ache?

12

How about/ What about + N/ V-ing?

How about going to the cinema on Wednesday afternoon?



17 cấu trúc ngữ pháp **Movers Cambridge**

13

Mệnh đề chỉ thời gian với "when"

When he got home, he had his dinner.

14

Go for a + N

Yesterday we **went for a drive** in my brother's new car.

15

Be called + N

A baby cat **is called a kitten**.

16

Be good at + N

She's very **good at basketball**.

17

I think/ know ...



I think he's very nice.